TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KT** **TỈNH KT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:09/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 03/4/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KT, TỈNH KT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chế Thị Mai và ông Phạm Văn Tiền.
- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kt xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 143/2023/TLST- HNGĐ ngày 17/10/2023 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự: - *N đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1982, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lê Đình N, sinh năm 1981, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn K2, xã Bl, thành phố Kt, tỉnh Kt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, n đơn chị Lê Thị H trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Lê Đình N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 31/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Lương Bắc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đến tháng 9 năm 2023 mâu thuẫn trầm trọng do anh N hay chơi cờ bạc rượu chè, chị nhắc nhở thì hành hung. Từ tháng 9/2023 chị H và con gái đã th nhà ra ở riêng đến nay hai người không còn quan tâm đến nhau, chị không còn tình cảm yêu thương anh N, anh N cũng đồng ý ly hôn. Sau khi chị và anh N tự thỏa thuận chia xong tài sản chung thì anh N không lên Tòa án giải quyết việc ly hôn. Chị H tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình N, để hai bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung: Lê Đình Bá Ch, sinh ngày 10/8/2003 đã trưởng thành tự lập; và Lê Thị Phương Th, sinh ngày 28/04/2012, hiện đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lê Thị Phương Th, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ chung.

- *Ý kiến của bị đơn anh Lê Đình N*: Tại Bản tự khai ngày 24/11/2023 anh N đồng ý ly hôn chị H với điều kiện phải chia tài sản chung; tại các Biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, anh N đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đơn khởi kiện của chị H, anh không ký xác nhận vào bất cứ văn bản tố tụng nào của Tòa án.

- *Ý kiến của cháu Lê Thị Phương Th*: Tại Bản tự khai ngày 23/01/2024, cháu Th có nguyện vọng được ở với chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- N đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Đình N trú tại thành phố Kt. Do đó yêu cầu của n đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kt theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

- Bị đơn anh Lê Đình N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS HĐXX xét xử vắng mặt anh N.

Về nội dung:

[1] Quan hệ nhân giữa chị Lê Thị H và anh Lê Đình N là hợp pháp. Chị H yêu cầu được ly hôn anh N, với lý do mâu thuẫn giữa chị và anh N đã trầm trọng, không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm đến nhau, thực tế từ tháng 9/2023 chị H và con gái đã th nhà ra ở riêng đến nay, anh N cũng đồng ý ly hôn, nên chị H tha thiết được ly hôn anh N.

Về phía anh N, trong thời gian đầu tham gia tố tụng anh N cũng đồng ý ly hôn chị H nhưng với điều kiện phải chia tài sản chung, sau đó anh N không đến Tòa án làm việc, mà đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đơn khởi kiện của chị H.

Xét, việc anh N không tham gia hòa giải để đoàn tụ vợ chồng, vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo đơn khởi kiện của chị H, thể hiện bỏ mặc hôn nhân, không mong muốn níu kéo tình cảm vợ chồng. Do đó HĐXX có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh N đã trầm trọng, đời sống chung giữa hai người không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Anh N và chị H có 02 con chung là Lê Đình Bá Ch, sinh năm 2003 đã trưởng thành tự lập; và Lê Thị Phương Th, sinh ngày 28/04/2012 đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Th có nguyện vọng được ở với chị H. Do đó chị H nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th là phù hợp được chấp nhận.

[3] *Cấp dưỡng nuôi con*: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Tài sản chung*: Đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không.

[5] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" của chị Lê Thị H đối với anh Lê Đình N. **Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Đình N.

2. *Nuôi con chung*: Giao con chung Lê Thị Phương Th, sinh ngày 28/04/2012 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Lê Đình N có quyền, nghĩa vụ trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc con chung con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. *Về án phí*: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0000520 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kt. Chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Quyền kháng cáo*: N đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/4/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo 15 kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kt;
- VKSND TP Kt;
- Chi cục THADS TP Kt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Hoài